

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2024
V/V tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Trần Văn Tám**.

2. Bà: **Đặng Thị Tiềm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B** (tên thường gọi 3 Trí), sinh ngày 01/01/ 1953; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Bà **Mai Thị Đ** (tên thường gọi Tâm), sinh ngày 19/8/1969; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp D, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2023, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*** Bà Nguyễn Thị B có tham gia chơi hui do phía bà Mai Thị Đ làm chủ thảo hui, gồm các dây hui cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Dây hui 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 05/9/2019 (Al), gồm có 22 phần, bà B tham gia 01 phần; bà B đã đóng được 21 kỳ hui sống, đến kỳ thứ 22 thì bà B hốt hui, số tiền hui mà bà B hốt được là: (số tiền đóng hui sống quy ra hui chết là: 21 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 phần thành tiền là 42.000.000 đồng), nhưng trừ tiền huê hồng cho chủ hui là 400.000 đồng nên bà Đ còn nợ lại bà B số tiền hui là 41.600.000 đồng; bà Đ có trả được số tiền là 10.600.000 đồng, còn nợ lại số tiền hui là 31.000.000 đồng.

- Dây hui thứ hai: Dây hui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 10/11/2019 (Al), gồm có 19 phần, bà B tham gia 01 phần; bà B đã đóng được

18 kỳ hội sống, đến kỳ thứ 19 thì bà B hốt hội, số tiền hội mà bà B hốt được là: (số tiền đóng hội sống quy ra hội chết là: 18 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 phần thành tiền là 18.000.000 đồng), nhưng trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 200.000 đồng nên bà Đ còn nợ lại bà B số tiền hội là 17.800.000 đồng.

Sau đó đến ngày 02/6/2022 (Al) bà B và bà Đ chốt lại 02 dây hội trên thì bà Đ còn nợ bà B số tiền 02 dây hội là 49.000.000 đồng và cùng ngày bà Đ có trả cho bà B số tiền 2.000.000 đồng nên còn nợ lại là 47.000.000 đồng. Ngày 09/10/2022 (Al) bà Đ có trả được số tiền là 1.000.000 đồng, nên bà Đ còn nợ lại số tiền là 46.000.000 đồng, nhưng trước đây chưa trừ tiền huê hồng 200.000 đồng; nay bà B đồng ý trừ tiền huê hồng cho bà Đ là 200.000 đồng, nên bà Đ còn nợ lại 02 dây hội số tiền là 45.800.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 20/3/2020 (Al), gồm có 20 phần, bà B tham gia 01 phần; bà B đã đóng được 14 kỳ hội sống, đến kỳ thứ 15 thì bà Đ ngưng không khui hội, số tiền hội mà bà B đóng được là: (số tiền đóng hội sống quy ra hội chết là: 14 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 phần thành tiền là 14.000.000 đồng), nhưng trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 200.000 đồng, nên bà Đ còn nợ lại bà B số tiền hội là 13.800.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 15/4/2020 (Al), gồm có 17 phần, bà B tham gia 01 phần; bà B đã đóng được 13 kỳ hội sống, đến kỳ thứ 14 thì bà B là người hốt hội, số tiền hội mà bà B hốt được là: (số tiền đóng hội sống quy ra hội chết là: 13 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 phần thành tiền là 13.000.000 đồng, nhưng trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 200.000 đồng, nên bà Đ còn nợ lại bà B số tiền hội là 12.800.000 đồng.

- Dây hội thứ năm: Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 30/7/2020 (Al), gồm có 14 phần, bà B tham gia 01 phần; bà B đã đóng được 10 kỳ hội sống, đến kỳ thứ 11 thì bà Đ ngưng không khui hội tiếp, số tiền hội mà bà B đóng được là: (số tiền đóng hội sống quy ra hội chết là: 10 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 phần thành tiền là 10.000.000 đồng, nhưng trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 200.000 đồng, nên bà Đ còn nợ lại bà B số tiền hội là 9.800.000 đồng.

Tổng cộng 05 dây hội phía bà Đ còn nợ lại bà B số tiền là 82.200.000 đồng. Phía bà B có đòi nhiều lần nhưng bà Đ hẹn trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay phía nguyên đơn bà B yêu cầu bà Mai Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền của 05 dây hội còn nợ là 82.200.000 đồng.

* *Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Mai Thị Đ trình bày:* Bà Đ thừa nhận có làm chủ thỏa hội, bà B là hội viên có tham gia chơi 05 dây hội, trước đây 5 dây hội còn nợ lại bà B số tiền là 82.200.000 đồng như lời trình của bà B là đúng, nhưng sau đó bà Đ có trả tiền hội cho bà B nhiều lần hiện chỉ còn nợ lại bà B số tiền hội là 49.000.000 đồng, nên bà Đ có viết vào giấy hội là tổng cộng 2 phần hội số tiền là 49.000.000 đồng và bà Đ có trả được số tiền là 3.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà B số tiền là 46.000.000 đồng chưa trả. Theo bà Đ do trước đây bà Đ ghi không đúng lẽ ra bà Đ phải ghi là tổng cộng 5 dây hội sau khi trả tiền hội nhiều lần hiện chỉ còn nợ lại số tiền là 49.000.000 đồng mới đúng.

Nay bà Đ không đồng ý trả cho bà B số tiền hui của 5 dây hui là 82.200.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền hui là 46.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hui.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B: yêu cầu bà Mai Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền của 05 dây hui còn nợ là 82.200.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà B xác định bà Đ có làm chủ thảo hui và bà B có tham gia chơi 05 dây hui, hiện bà Đ còn nợ lại của bà B số tiền của 05 dây hui là 82.200.000 đồng chưa trả và bà B cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ 06 giấy hui (bản chính) của 05 dây hui do phía bị đơn bà Đ ghi trong đó thể hiện rõ số lần đóng hui, số tiền hót hui. Phía bị đơn bà Đ tại phiên tòa hôm nay cũng thừa nhận 06 giấy hui của 05 dây hui mà phía nguyên đơn bà B cung cấp là do phía bị đơn bà Đ ghi trong đó thể hiện rõ số lần đóng hui, số tiền hót hui của 5 dây hui mà trước đây bà Đ còn nợ lại bà B số tiền là 82.200.000 đồng, nhưng sau đó bà Đ có trả tiền hui cho bà B nhiều lần hiện chỉ còn nợ lại bà B số tiền hui là 49.000.000 đồng, nên bà Đ có viết vào giấy hui là tổng cộng 2 phần hui số tiền là 49.000.000 đồng và bà Đ có trả được số tiền là 3.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà B số tiền là 46.000.000 đồng chưa trả. Theo bà Đ do trước đây bà Đ ghi không đúng lẽ ra bà Đ phải ghi là tổng cộng 5 dây hui sau khi trả tiền hui nhiều lần hiện chỉ còn nợ lại số tiền là 49.000.000 đồng mới đúng, nhưng phía bà Đ không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả tiền hui cho bà B nhiều lần hiện chỉ còn nợ lại số tiền là 46.000.000 đồng; cho thấy lời trình bày của phía bị đơn bà Đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và buộc phía bị đơn bà Mai Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ hui của 05 dây hui là 82.200.000 đồng.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ba, nên phía bị đơn bà Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía bà B là 82.200.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.110.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 280, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Mai Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ hụi của 05 dây hụi là 82.200.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Mai Thị Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.110.000 đồng.

Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên không phải xem xét hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía bà Nguyễn Thị B.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn